TAND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22/7/2020
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Minh Thiết, ông Nguyễn Quang Vinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại viện viện kiểm sát tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang.

Trong ngày 22/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2020 về việc "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về tài sản chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị D, sinh năm 1972 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã M, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã M, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hà Thị D trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau vào năm 1990. Trước khi kết hôn chị và anh T có khoảng thời gian ngắn để tìm hiểu rồi đi đến kết hôn. Tuy nhiên chị và anh T chỉ tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương chứ không đi đăng ký kết hôn. Kể từ khi chị và anh T về chung sống với nhau cho đến nay thì cũng không lần nào đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Quá trình chung sống: thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên to tiếng, đánh cãi chửi nhau do bất đồng quan điểm sống. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận chị và anh T là vợ

chồng.

Về con chung: vợ chồng chị có 03 con chung là Hoàng Thị Hiền, sinh năm 1990; Hoàng Thị Thu, sinh năm 1993 và Hoàng Văn Huynh, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng. Vì vậy chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T xác nhận đã tạo lập được các tài sản chung, đồng thời thống nhất thỏa thuận giá trị tài sản chung và phân chia tài sản chung như sau:

* Chị Hà Thị D được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

1. 01 ngôi nhà ở 04 tầng, diện tích 200 m2 xây dựng năm 2015; công trình phụ; sân; cổng; tường bao. Các tài sản này xây dựng trên phần diện tích đất 200 m2 của ông Hà Văn Lù, bà Hà Thị Hạt ở thôn Cầu Ngoài, M, Lạng Giang, Bắc Giang cho mượn vào năm 2015 trị giá 1.500.000.000đ.

2. Tài sản là đồ dùng sinh hoạt: 01 xe ô tô nhãn hiệu Marda 3, biển kiểm soát 98A-269.61, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Hà Thị D mua năm 2019 trị giá 500.000.000đ; 01 xe mô tô Vespa nhãn hiệu Piaggio biển kiểm soát 98B2-246.04 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Hà Thị D trị giá 10.000.000đ; 01 xe mô tô Elegant nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 98L4-7994 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Hà Thị D trị giá 3.000.000đ; 01 ti vi nhãn hiệu Samsung trị giá 30.000.000đ; 01 tủ lạnh đứng nhãn hiệu Sanaky trị giá 10.000.000đ; 02 tủ lạnh nằm nhãn hiệu Panasonic trị giá 10.000.000đ; 01 bộ bàn ghế ăn cơm bằng gỗ trị giá 5.000.000đ; 01 máy bơm nước trị giá 4.000.000đ; 01 bộ bàn ghế gỗ phòng khách trị giá 20.000.000đ; 01 máy giặt nhãn hiệu LG trị giá 5.000.000đ; 03 điều hòa trị giá 15.000.000đ; 01 bộ bàn ghề ăn cơm bằng sắt, inox trị giá 3.500.000đ; 01 tủ thờ trị giá 3.000.000đ; 01 kệ ti vi, đồng hồ cây tầng 1 trị giá 10.000.000đ;

Tổng giá trị các tài sản chị D được sở hữu, sử dụng là: 2.123.500.000đ (Hai tỷ một trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng)

- Chị Hà Thị D có nghĩa vụ trích chia cho anh Hoàng Văn T số tiền là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Chị D có trách nhiệm trả số tiền 550.000.000đ cho anh T vào ngày 08/7/2020.

* Anh Hoàng Văn T được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 xe ô tô 01 xe ô tô nhãn hiệu Fortuner, biển kiểm soát 98A-114.94, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Hoàng Văn T mua năm 2016 trị giá 800.000.000đ; 01 xe mô tô Jupiter nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 98Y2-3967 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Văn T trị giá 6.000.000đ; 01 xe mô tô Elegant nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 98B2-156.46 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Văn T trị giá 3.000.000đ; 01 bộ bàn ghế cuốc ở tầng 3 trị giá 5.000.000đ; 01 bộ âm ly loa đài trị giá 10.000.000đ; 01 quạt cây hơi nước trị giá 1.000.000đ; 01 ti vi nhãn hiệu Sony ở tầng 3 trị giá 2.000.000đ;

- Anh Hoàng Văn T được nhận số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) từ chị Hà Thị D trích chia theo phương thức thanh toán như trên.

Tổng tài sản anh T được nhận là 1.387.000.000đ (Một tỷ ba trăm tám mươi bẩy triệu đồng)

Chị đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của chị và anh T như trên trong bản án, quyết định của Tòa án.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Hoàng Văn T trình bày: Anh xác nhận thời gian tổ chức kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị D trình bày là đúng. Kể từ khi anh và chị D về chung sống cùng nhau cho đến nay thì chưa lần nào đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh đồng ý đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận anh và chị D là vợ chồng.

Về con chung: Do các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị D đã thống nhất về tài sản chung, thống nhất về phân chia tài sản chung của vợ chồng tại phiên hòa giải ngày 01/7/2020. Anh đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng về phân chia tài sản chung trong bản án, quyết định của Tòa án.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng anh tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải và Chị D, anh T đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về cong chung; tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; án phí. Chị D, anh T đều đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng về việc phân chia tài sản chung trong bản án, quyết định của Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Hà Thị D và bị đơn là anh Hoàng Văn T vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

- Nội Dng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hà Thị D và anh Hoàng Văn T là vợ chồng.

Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Hà Thị D và anh Hoàng Văn T về việc thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng theo như biên bản hòa giải ngày 01/7/2020.

Về con chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị D, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Hà Thị D cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn là chị D và bị đơn là anh T vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị D và anh Hoàng Văn T có tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và về chung sống cùng nhau từ năm 1990 nhưng không lần nào đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại biên bản xác minh về việc đăng ký kết hôn ở địa phương thấy: Chị D, anh T có về chung sống cùng nhau từ năm 1990 cho đến nay. Tuy nhiên kể từ đó cho đến nay chị D, anh T không lần nào đi đăng ký kết hôn theo quy định. Kiểm tra hồ sơ, sổ hộ tịch lưu trữ tại UBND xã M không có tên chị D, anh T trong sổ đăng ký kết hôn. Chị D, anh T tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị D, anh T là không hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của chị D, anh T đều xác định vợ chồng có sảy ra mâu thuẫn trầm trọng to tiếng, đánh cãi, chửi nhau và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Chị D yêu cầu Tòa án không công nhận chị D và anh T là vợ chồng thì anh T đồng ý. Do vậy cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh T.

[4] Về con chung: vợ chồng chị D, anh T có 03 con chung là Hoàng Thị Hiền, sinh năm 1990; Hoàng Thị Thu, sinh năm 1993 và Hoàng Văn Huynh, sinh năm 1997. Do các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị D, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, giữa chị D và anh T đã tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung, đồng thời đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng theo như biên bản hòa giải ngày 01/7/2020. Vào ngày 08/7/2020 giữa chị D và anh T đã tự phân chia xong về tài sản chung. Anh T đã nhận đủ số tiền 550.000.000đ do chị D trích chia. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung của chị D, anh T là không vi phạm quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị D, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị D và anh Hoàng Văn T.

2. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của chị Hà Thị D và anh Hoàng Văn T, cụ thể như sau:

* Chị Hà Thị D được sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản gồm:

1. 01 ngôi nhà ở 04 tầng, diện tích 200 m2; công trình phụ; sân; cổng; tường bao đều xây dựng trên phần diện tích đất 200 m2 của ông Hà Văn Lù, bà Hà Thị Hạt ở thôn Cầu Ngoài, M, Lạng Giang, Bắc Giang.

2. Tài sản là đồ dùng sinh hoạt: 01 xe ô tô nhãn hiệu Marda 3, biển kiểm soát 98A-269.61, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Hà Thị D; 01 xe mô tô Vespa nhãn hiệu Piaggio biển kiểm soát 98B2-246.04 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Hà Thị D; 01 xe mô tô Elegant nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 98L4-7994 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Hà Thị D; 01 ti vi nhãn hiệu Samsung; 01 tủ lạnh đứng nhãn hiệu Sanaky; 02 tủ lạnh nằm nhãn hiệu Panasonic; 01 bộ bàn ghế ăn cơm bằng gỗ; 01 máy bơm nước; 01 bộ bàn ghế gỗ phòng khách; 01 máy giặt nhãn hiệu LG; 03 điều hòa; 01 bộ bàn ghề ăn cơm bằng sắt, inox; 01 tủ thờ; 01 kệ ti vi, đồng hồ cây;

- Chị Hà Thị D có nghĩa vụ trích chia cho anh Hoàng Văn T số tiền là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Chị D đã thanh toán trả số tiền 550.000.000đ cho anh T vào ngày 08/7/2020.

* Anh Hoàng Văn T được sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Fortuner, biển kiểm soát 98A-114.94, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Hoàng Văn T; 01 xe mô tô Jupiter nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 98Y2-3967 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Văn T; 01 xe mô tô Elegant nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 98B2-156.46 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Văn T; 01 bộ bàn ghế cuốc; 01 bộ âm ly loa đài; 01 quạt cây hơi nước; 01 ti vi nhãn hiệu Sony;

- Anh Hoàng Văn T được nhận số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) từ chị Hà Thị D trích chia.

Xác nhận chị D và anh T đã phân chia xong về tài sản chung; anh T đã nhận đủ số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn) từ chị D trích chia.

3. Về án phí: Chị Hà Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 37.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002371 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Chị Hà Thị D được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 37.000.000 đồng (Ba mươi bẩy triệu đồng).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sang